

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 363/2024/DS-PT
Ngày: 09/7/2024
V/v tranh chấp về hợp đồng dân
sự- vay tài sản, hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kiều Kim Xuân;

Các Thẩm phán: Ông Trần Phước Hội;

Ông Lê Thành Tôn.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà
Trần Thị Ngọc Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 231/2024/TLPT- DS, ngày 26 tháng 4
năm 2024 về “Tranh chấp về hợp đồng dân sự - vay tài sản và hụi”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 20/2024/DS-ST ngày 05/3/2024 của Tòa án
nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 342/2024/QĐ-PT ngày
31 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 57/2024/QĐ-PT
ngày 19 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Huỳnh N, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Số nhà C, đường T, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Huỳnh N:

Chị Nguyễn Thị Hồng D, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Số A, đường L, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Chị Huỳnh Thị T, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Số nhà A, đường N, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Thái Nam Đ, sinh năm
1988;

Địa chỉ: Số nhà A, đường N, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Chị Nguyễn Huỳnh N, là nguyên đơn.

(Chị D, chị Như có mặt, anh Đ vắng mặt tại phiên tòa.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Huỳnh N, có người đại diện theo ủy quyền là anh Triệu Trọng Đ1 và chị Nguyễn Thị Hồng D trình bày:

Chị N và chị T là bạn bè. Chị N có cho chị T vay tổng số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 06/8/2023, chị T vay của chị N số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Chị T có ký vào “Giấy cho vay tiền”, lãi suất thỏa thuận (không ghi bao nhiêu), trả tiền lãi vào ngày 6 tây hằng tháng, không ghi thời hạn trả nợ trên biên nhận.

- Lần 2: Ngày 15/9/2023, chị T vay của chị N số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Chị T có ký vào “Giấy cho vay tiền”, lãi suất thỏa thuận (không ghi bao nhiêu), trả tiền lãi vào ngày 15 tây hằng tháng, không ghi thời hạn trả nợ trên biên nhận.

Chị T có trả lãi cho chị N theo thỏa thuận. Từ tháng 10/2023 đến nay, chị T không tiếp tục trả lãi cho chị N và chưa trả nợ gốc.

Ngoài ra, chị T có tham gia 03 dây hụi do chị N làm chủ. Cụ thể như sau:

- Dây hụi thứ nhất: Hụi 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 15/4/2022, gồm 25 phần. Chị T tham gia 01 phần. Chị T đã hốt hụi vào ngày 15/5/2022, số tiền 33.200.000 đồng. Chị T đã thực hiện đóng hụi được 19 lần. Tính đến ngày 15/11/2023, dây hụi này chị T còn nợ 06 lần đóng hụi chết, tương đương số tiền 12.000.000 đồng (6 lần x 2.000.000 đồng/tháng).

- Dây hụi thứ 2: Hụi 10.000.000 đồng/tháng, khai ngày 13/02/2023, gồm 22 phần. Chị T tham gia 01 phần. Chị T đã hốt hụi vào ngày 13/6/2023, số tiền 154.000.000 đồng. Chị T đã thực hiện đóng hụi được 09 lần. Tính đến ngày 15/11/2023, dây hụi này chị T còn nợ 13 lần đóng hụi chết, tương đương số tiền 130.000.000 đồng (13 lần x 10.000.000 đồng/tháng).

- Dây hụi thứ 3: Hụi 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 20/02/2023, gồm 20 phần. Chị T tham gia 01 phần. Chị T đã hốt hụi vào ngày 20/02/2023, số tiền 25.000.000 đồng. Chị T đã đóng hụi được 08 lần. Tính đến ngày 15/11/2023, dây hụi này chị T còn nợ 12 lần đóng hụi chết, tương đương số tiền 24.000.000 đồng (12 lần x 2.000.000 đồng/tháng).

Tổng số tiền nợ hụi mà chị T còn nợ (chưa đóng) cho chị N là 166.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi sáu triệu đồng).

Như vậy, chị T nợ chị N 02 khoản tiền: Tiền vay 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng); tiền hụi 166.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi sáu triệu đồng).

Nay chị N khởi kiện yêu cầu chị Huỳnh Thị T và anh Thái Nam Đ liên đới trả số tiền vay gốc là 200.000.000 đồng và tiền nợ hui là 166.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Chị N chỉ yêu cầu tiền lãi trong giai đoạn thi hành án: lãi suất 1,66%/tháng đối với tiền vay và lãi suất 0,83%/tháng đối với tiền hui.

Lý do chị T1 yêu cầu anh Đ liên đới với chị T trả nợ, vì: Tuy hiện nay chị T và anh Đ đã ly hôn, nhưng khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của chị T và anh Đ, việc chị T chơi hui và vay tiền của chị N anh Đ cũng biết. Anh Đ và chị T vẫn ghi địa chỉ nhà chung tại số A, N, Phường A, thành phố C. Chị T vẫn kinh doanh mỹ phẩm tại địa chỉ trên. Sau khi ly hôn vào tháng 01/2024 thì chị T mới không còn kinh doanh. Tại phiên tòa, đại diện bị đơn thừa nhận: Thu nhập từ việc kinh doanh mỹ phẩm, chị T sử dụng lo ăn uống, sinh hoạt chung trong gia đình.

Bị đơn chị Huỳnh Thị T, có người đại diện theo ủy quyền là anh Thiệu Quang S trình bày:

Chị Huỳnh Thị T thống nhất có vay tiền và tham gia hui do chị N làm chủ như chị N trình bày. Chị T thống nhất trả nợ theo yêu cầu của chị N, không yêu cầu anh Thái Nam Đ liên đới với chị T trả nợ. Vì số tiền chị T thiếu chị N (do vay và chơi hui) anh Đ không biết. Anh Đ không sử dụng số tiền trên. Bản thân anh Đ có nghề nghiệp, có thu nhập khá, không cần chị T làm kiếm tiền. Do chị T muốn kinh doanh riêng để lo cho cha mẹ ruột của chị T đã già, hoàn cảnh khó khăn. Do chị T gây nợ nần nên vợ chồng bất hòa, anh Đ mới xin ly hôn với chị T. Hiện nay chị T và anh Đ đã ly hôn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Thái Nam Đ có văn bản trình bày ý kiến ngày 28/02/2024:

Anh Đ không biết việc chị T vay mượn tiền và chơi hui với chị N do chị T không nói với anh Đ. Anh Đ không liên quan gì đến khoản tiền chị T nợ chị N. Do đó, anh Đ không đồng ý liên đới cùng chị T trả nợ cho chị N theo yêu cầu khởi kiện của chị N.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 20/2024/DS-ST ngày 05/3/2024, Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tuyên xử:

“1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Huỳnh N về việc yêu cầu chị Huỳnh Thị T trả số tiền vay và hui còn thiếu.

2/ Không chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Huỳnh N về việc yêu cầu anh Thái Nam Đ liên đới với chị Huỳnh Thị T trả tiền cho chị N.

3/ Chị Huỳnh Thị T thống nhất trả cho chị Nguyễn Huỳnh N số tiền vay gốc là 200.000.000 đồng và tiền nợ hui là 166.000.000 đồng.

Chị N và chị T thống nhất: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị N cho đến khi thi hành án xong, chị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, đối với số tiền vay theo mức lãi suất 1,66%/tháng, đối với tiền nợ hui theo mức lãi suất 0,83%/tháng.

4/ Về án phí: Chị Huỳnh Thị T phải chịu 18.300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Huỳnh N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ 9.450.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai số 0000224 ngày 27/12/2023 và 0000302 ngày 23/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh. Chị N được nhận lại số tiền 9.150.000 đồng.

Anh Thái Nam Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.”

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo, thời hạn yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/3/2024, nguyên đơn chị Nguyễn Huỳnh N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng buộc chị Huỳnh Thị T và anh Thái Nam Đ liên đới trả cho chị N số tiền vay 200.000.000 đồng và số tiền hụi 166.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị Nguyễn Thị Hồng D, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, kháng cáo và trình bày: Nguyên nhân chị N không yêu cầu anh Đ ký tên vào biên nhận vay tiền là do chị N tin tưởng vào mối quan hệ bạn bè, vợ chồng chị N, anh Đ thường đi cà phê, ăn uống chung với chị N và một số người bạn khác trong nhóm. Chị N biết chị T có kinh doanh mỹ phẩm, thu nhập từ việc kinh doanh có phục vụ sinh hoạt thiết yếu trong gia đình, chăm sóc con cái. Khoản tiền vay và tiền hụi của chị T nợ chị N phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của chị T, anh Đ. Chị T không có chứng cứ chứng minh giữa chị T và anh Đ có sự thỏa thuận hai người độc lập về kinh tế, không sử dụng tiền chung. Theo quy định tại Điều 27, Điều 30 Luật Hôn nhân và Gia đình, vợ chồng phải cùng có trách nhiệm. Anh Đ và chị N ly hôn từ khoảng tháng 01/2024, mục đích từ chối trả nợ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị N: Buộc anh Đ có trách nhiệm liên đới với chị T trả nợ cho chị N.

Chị T trình bày: Không đồng ý kháng cáo của chị N. Số nợ của chị N là nợ riêng của chị. Vì tuy là vợ chồng nhưng chị T, anh Đ có sự độc lập về kinh tế: tiền ai nấy xài, chị T kinh doanh mỹ phẩm, tự chi xài, lo cho cha mẹ ruột. Khi vỡ nợ, chị T bị anh Đ đuổi đi khỏi nhà và yêu cầu ly hôn. Hiện chị ở nhà thuê, bán hàng online. Chị T đồng ý trả nợ vay và nợ hụi cho chị N, xin trả dần, không yêu cầu anh Đ liên đới do không liên quan.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến (Có bài phát biểu kèm theo):

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm, thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đối với khoản nợ vay và nợ hụi của chị N, anh Đ không có ký tên vào biên nhận, không trực tiếp nhận tiền. Chị T xác định khoản nợ là nợ riêng của chị T, không yêu cầu anh Đ liên đới. Nguyên đơn kháng cáo nhưng không có chứng cứ mới chứng minh anh Đ biết việc chị T vay tiền và chơi hụi với chị N

và có sử dụng chung khoản nợ này. Do đó, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của chị N, y án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Thái Nam Đ vắng mặt không lý do mặc dù được triệu tập hợp lệ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn chị Nguyễn Huỳnh N: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng buộc chị Huỳnh Thị T và anh Thái Nam Đ liên đới trả cho chị N số tiền vay 200.000.000 đồng và tiền hụi 166.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Căn cứ tài liệu, chứng cứ nguyên đơn chị N đã giao nộp là 02 “Giấy cho vay tiền” ngày 06/8/2023 và 15/9/2023 có chữ ký ghi họ, tên của chị Huỳnh Thị T; sổ hụi ngày 15/4/2022; 13/02/2023; 20/02/2023; bản in từ màn hình điện thoại thể hiện việc chị N 03 lần chuyển khoản thành công tiền hụi cho chị T qua tài khoản Ngân hàng, trên cơ sở thừa nhận của chị T, có đủ căn cứ xác định chị T có vay tiền và tham gia chơi hụi với chị N, hiện chị T còn nợ của chị N tiền vay 200.000.000 đồng và tiền hụi 166.000.000 đồng. Chị T đồng ý chịu trách nhiệm trả cho chị N số tiền trên theo yêu cầu của chị N, không đồng ý việc chị N yêu cầu anh Thái Nam Đ liên đới với chị T trả nợ. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử công nhận tình tiết này.

[2.2] Chị N kháng cáo, yêu cầu Hội đồng xét xử buộc anh Thái Nam Đ liên đới với chị T trả nợ. Tuy nhiên, chị N không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của chị N là chị D xác định: Anh Đ không có ký tên vào giấy vay tiền, không có lần nào anh Đ giao nhận tiền lãi với chị N, không có tên anh Đ trong sổ hụi, anh Đ không lần nào (cùng hoặc thay chị T) đóng hụi cho chị N, chị N không giao tiền hụi cho anh Đ, chị Như k trực tiếp nói với anh Đ việc chị T vay tiền, chơi hụi. Việc chị D trình bày do anh Đ và chị T có cùng đi cà phê, ăn uống chung với chị N và nhóm bạn, chị T có kinh doanh mỹ phẩm tại nhà, chị T có sử dụng tiền chi tiêu, sinh hoạt chung trong gia đình nuôi con cái, nên cho rằng (và buộc) anh Đ phải biết, yêu cầu anh Đ liên đới cùng chị T trả nợ là không có căn cứ chấp nhận. Mặt khác, nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh chị T sử dụng tiền vay, tiền hụi của chị N mua sắm tài sản và chị T, anh Đ có đứng tên chung.

[2.3] Tại cấp sơ thẩm, anh Đ có văn bản trình bày ý kiến: Việc chị T vay tiền và tham gia chơi hụi với chị N, chị T không nói cho anh Đ biết. Do tính chất công việc, anh Đ thường xuyên vắng nhà, do đó, anh Đ không liên quan đến khoản nợ trên.

[2.4] Ngoài ra, theo chị T trình bày: Do mâu thuẫn tiền bạc nên chị và anh Đ đã ly hôn. Anh Đ có nghề nghiệp, phụ trong công ty của gia đình, có thu nhập khá, không sử dụng tiền của chị T, chị T vay tiền sử dụng vào việc riêng của chị T. Do đó, chị T chịu trách nhiệm trả nợ cho chị N, không yêu cầu anh Đ liên đới.

[2.5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2024/DS-ST ngày 05/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Chị N kháng cáo buộc anh Đ liên đới cùng chị T trả nợ cho chị N nhưng không có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị N, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, cần điều chỉnh cách tuyên án cho ngắn gọn, khoa học hơn, dễ hiểu, dễ thi hành.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của chị N không chấp nhận nên chị N phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là phù hợp, có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 92, Điều 148, khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn chị Nguyễn Huỳnh N.

- Giữ nguyên bản án sơ thẩm 20/2024/DS-ST ngày 05/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 467, khoản 1 Điều 468, Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 5, Điều 6, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Huỳnh N về việc yêu cầu chị Huỳnh Thị T và anh Thái Nam Đ liên đới trả số tiền vay 200.000.000

đồng (Hai trăm triệu đồng) và tiền hụi 166.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi sáu triệu đồng).

2. Buộc chị Huỳnh Thị T trả cho chị Nguyễn Huỳnh N số tiền vay 200.000.000 đồng và tiền hụi là 166.000.000 đồng.

Về lãi chậm trả: Chị N và chị T thống nhất: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị N cho đến khi thi hành án xong, chị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, đối với số tiền vay theo mức lãi suất 1,66%/tháng, đối với tiền nợ hụi theo mức lãi suất 0,83%/tháng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Chị Huỳnh Thị T phải chịu 18.300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Chị Nguyễn Huỳnh N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp tổng cộng 9.450.000 đồng theo các biên lai số 0000224 ngày 27/12/2023 (số tiền 9.150.000 đồng) và 0000302 ngày 23/01/2024 (số tiền 300.000 đồng) của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, sau khi khấu trừ án phí phải nộp, chị N được nhận lại số tiền 9.150.000 đồng.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm chị N đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0009570 ngày 20/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, được khấu trừ án phí phúc thẩm phải nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh;
- Tòa án ND TP.Cao Lãnh;
- Chi cục Thi hành án Dân sự TP. Cao Lãnh;
- Phòng KTNV-TAND Tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án và VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Kiều Kim Xuân